

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 12,13.07.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CẮT DA	ĐIỂM CỘNG CƯỜI KHÓA	SGVG	ĐIỂM CỘNG E-MANICURE	ĐÁP BỐT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CƯỜI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VỀ GEL, NÓI, ĐÍNH DÁ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TB TH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	Lý Thuyết	Tổng cộng	Xếp Loại
1	Nguyễn Bảo	Anh	002	07/09/2000	KP2495	8.3	+1	7.5	+0	8.2	+1	40	+4	8.7	+0.5	9.2	9.9	9.4	Xuất sắc
2	Văn Nguyễn Nguyệt	Băng	003	10/10/2002	KP2510	9	+1	8.2	+0	7.3	+1	40.5	+4	8.9		8.9	9.9	9.2	Xuất sắc
3	Trần Diễm	Chinh	005	02/03/1994	KP2539	9	+1	9.2	+0	8.7	+1	35	+3.5	9.2	+0.5	9.7	8.1	9.2	Xuất sắc
4	Hoàng Nữ Hồng	Hà	006	18/10/1993	KP2543	8.5	+1	9	+0	7.7	+1	43.5	+4	9.2		9.2	9.9	9.4	Xuất sắc
5	Nguyễn Minh	Hằng	007	25/09/2005	KP2423	7.7	+1	7.7	+0	7	+1	40.5	+4	8.3		8.3	9.7	8.8	Giỏi
6	Lý Thục	Hương	008	31/07/1995	KP2405	7.6	+1	7.7	+0	8	+1	35.5	+4	8.3		8.3	9.6	8.7	Giỏi
7	Phạm Thị Ngọc	Huyền	009	28/12/2002	KP2528	8.7	+1	7.7	+0	7.5	+1	40	+4	8.7		8.7	10	9.1	Xuất sắc
8	Phạm Anh	Kiệt	010	10/11/1997	KP2542	7.7	+1	8	+0	7.6	+1	39.5	+4	8.5		8.5	10	9	Xuất sắc
9	Nguyễn Tiến	Lâm	011	09/08/1990	KP2550 HVF	7.4	+0	7.3	+0	6.9	+0	34.5	+0	7.1		7.1	7.8	7.3	Khá
10	Vũ Lê Li	Li	012	30/10/2009	KP2491	8.1	+0.5	6.7	+0	7.7	+0.5	35.5	+4	7.9		7.9	9	8.3	Giỏi
11	Vòng Kim	Liên	013	22/10/1994	KP2585 HVF	8.3	+1	8	+0	8.6	+1	37.5	+3	8.8		8.8	9.9	9.2	Xuất sắc
12	Nguyễn Phạm Như	Linh	014	24/09/2003	KP2304	8.1	+1	7.7	+0	7.3	+1	31.5	+4	8.1		8.1	9.5	8.6	Giỏi
13	Nguyễn Thị Thúy	Loan	015	09/08/1993	KP2479	8.8	+1	6.7	+0	6.3	+1	36	+4	8		8	9.9	8.6	Giỏi
14	Lê Thị Yến	Ly	016	20/02/1998	KP2597 HVF	8.2	+1	8.5	+0	7.9	+1	39.5	+1.5	8.7		8.7	9	8.8	Giỏi
15	Nguyễn Trương Thiên	Lý	017	27/09/1988	KP2544	8.1	+1	7.3	+0	7.2	+1	36.5	+4	8.2	+0.5	8.7	9.7	9	Xuất sắc
16	Hoàng Thị Trà	My	019	06/07/1996	KP2596 HVF	8.7	+0.5	9.2	+0	9	+1	43.5	+3	9.4		9.4	7.2	8.7	Giỏi
17	Nguyễn Thị Kiều	Nga	020	30/04/1993	KP2579 HVF	8	+1	8.7	+0	7.9	+1	41.5	+3	8.9		8.9	9.6	9.1	Xuất sắc
18	Đoàn Thị Thanh	Ngân	021	09/11/1998	KP2355	8.2	+1	7.8	+0	7.4	+1	37.5	+4	8.4		8.4	9.5	8.8	Giỏi
19	Phan Thanh	Ngọc	022	30/08/2008	KP2500	8.8	+1	7.8	+0	8	+1	32.5	+4	8.5		8.5	9.3	8.8	Giỏi
20	Đỗ Thị	Ngọc	023	19/06/1985	KP2473	7.2	+1	7.5	+0	7.3	+1	34	+3	7.9		7.9	6.5	7.4	Khá
21	Vũ Lê Hoàng	Oanh	027	25/05/2003	KP2501	7.1	+1	7.7	+0	6.7	+0.5	36	+3	7.7		7.7	9.6	8.3	Giỏi
22	Nguyễn Thị Bích	Phượng	028	06/05/2005	KP2477	8.2	+1	8	+0	7.9	+1	41	+4	8.8	+0.5	9.3	9.7	9.4	Xuất sắc
23	Huỳnh Mỹ	Quyên	029	08/04/1993	KP2523	8.9	+1	8	+0	7.8	+1	38.5	+3	8.8		8.8	9.5	9	Xuất sắc
24	Vô Thị Trúc	Quỳnh	030	20/02/1997	KP2429	8.3	+1	7.8	+0	8.2	+1	39.5	+4	8.8		8.8	9.9	9.2	Xuất sắc
25	Trần Thị Xuân	Thảo	031	21/07/1983	KP2515	8.1	+1	7.2	+0	7.9	+1	37.5	+4	8.4		8.4	7.6	8.1	Giỏi
26	Nguyễn Vũ Thương	Thương	033	19/10/1996	KP2440	7.7	+1	7.7	+0	8	+1	39	+4	8.5		8.5	10	9	Xuất sắc
27	Lê Thị Cẩm	Tiên	035	11/08/2003	KP2514	9	+1	8.3	+0	7.8	+1	41	+4	9		9	8.3	8.8	Giỏi
28	Nguyễn Thị Mỹ	Tiền	036	11/09/1985	KP2256	7.9	+1	7	+0	7.5	+1	36	+4	8.1		8.1	9.8	8.7	Giỏi
29	Mai Huyền	Trâm	037	15/01/1997	KP2584 HVF	8.7	+1	9	+0	9	+1	40.5	+3	9.4		9.4	10	9.6	Xuất sắc
30	Lê Quỳnh Ngọc	Vy	038	15/01/2003	KP2396	8.4	+1	7.8	+0	7.6	+1	38	+4	8.6		8.6	9.4	8.9	Giỏi
31	Trần Thị Yến	Vy	039	17/11/2002	KP2573	7.9	+1	7.3	+0	6.8	+1	39.5	+3	8.1		8.1	9.7	8.6	Giỏi

BẢNG ĐIỂM THI TỔNG CỤC 12,13.07.2025

STT	HỌ	TÊN	SBD	NĂM SINH	SỐ ID	CẮT DA	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	SGVG	ĐIỂM CỘNG E- MANICURE	ĐÁP BỘT DESIGN	ĐIỂM CỘNG CUỐI KHÓA	TỔNG ĐIỂM VẼ (VẼ GEL, NÔI, ĐÍNH ĐÁ, VMTH)	ĐIỂM CỘNG BÀI TẬP	TB TH	ĐIỂM CỘNG SWS	TỔNG THỰC HÀNH	Lý Thuyết	Tổng cộng	Xếp Loại
32	Cao Hồ Diệu	Yến	042	01/01/1999	KP2569	9	+1	8.7	+0	8.6	+1	41.5	+4	9.4	+0.5	9.9	10	9.9	Xuất sắc
33	Tô Thị Phi	Yến	043	14/07/1996	KP2558	8.5	+1	7.8	+0	7.7	+1	33	+3	8.3		8.3	9.2	8.6	Giỏi